

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 6 - 2022

“V/v: *Ly hôn và  
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Dự

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Hồ Tùng Mận

- Ông Trần Văn Nghi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2022, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Lê H – sinh năm 1986

Địa chỉ: LTV, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

**\* Bị đơn:** Ông Lê K – sinh năm 1987

Địa chỉ: LTV, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H trình bày:**

Ngày 19/5/2014, chúng tôi kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014 quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, Đắk Lắk.

Chúng tôi sống chung với nhau cho đến khi mâu thuẫn bắt đầu vào cuối năm 2020 khi chồng tôi uống say đã đuổi mẹ con tôi xuống xe giữa đường khuya với những hành động và lời nói khiếm nhã khiến bản thân tổn thương, quan hệ vợ chồng cũng lạnh nhạt và không gần gũi đến nay đã hơn 1 năm. Từ đó đến nay

chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Cho đến đầu năm 2022 khi chồng tôi bóp cổ tôi và lấy dao dọa giết 2 mẹ con thì đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa. Vì sợ ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học hành của con gái. Đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K.

Về con chung: Tôi và anh K có 01 con chung là cháu Lê Mai Kh, sinh ngày 18/02/2016, tôi có nguyện vọng sẽ nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Bị đơn ông Lê K trình bày:***

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tôi thống nhất và đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Lê H như trên.

Về mâu thuẫn vợ chồng, trong thời gian chung sống vợ chồng tôi vẫn hòa thuận, hạnh phúc nhưng vào cuối năm 2020 trong lúc nhậu say về, đi trên đường vợ tôi có căn nhắc la rầy do say và bức tức nên tôi có đuổi vợ con xuống xe trong đêm khuya nhưng ngay sau đó tôi biết sai và quay lại để chở vợ con nhưng vợ tôi không đồng ý và đi bộ về nhà. Sau đó tôi xin lỗi rất nhiều lần trong hơn 1 năm vợ chồng đã trở lại vui vẻ và hòa đồng nhưng vẫn ngủ riêng.

Tới đầu năm 2022 vợ chồng có mâu thuẫn và vợ tôi làm đơn ly hôn, tôi có xin lỗi và năn nỉ nhiều lần, trong 1 lần cãi nhau tôi có nói ly hôn chắc gì con đã theo vợ thế là vợ tôi nói con Ti chắc gì đã là con chồng, khi nghe câu này tâm trạng tôi rối bời, trong cơn bức tức và ghen tuông tôi có ra bếp lấy con dao để hù vợ tôi. Tôi thật sự rất thương con, tôi không muốn gia đình tan vỡ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được đoàn tụ.

Về con chung: Nếu chúng tôi ly hôn thì tôi sẽ giao con cho vợ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên câu khởi kiện, bị đơn ông Lê K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho đoàn tụ.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Lê H và ông Lê K có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, Đắk Lắk, quá trình sống chung bà H và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K là có căn cứ nên cần chấp nhận. Về con chung bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Mai Kh – sinh ngày 18/02/2016 là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật, ông K cũng đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng nếu ông bà ly hôn do đó cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung bà H, ông K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Về án phí, bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Lê H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê K, có địa chỉ tại thành phố B, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lê H và ông Lê K tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014 quyền số 01/2014), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H xác định, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn ông Lê K cho rằng tình cảm vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn với ông K, cuộc sống hôn nhân của bà Huệ và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H yêu cầu ly hôn với ông K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lê H và ông Lê K có 01 con chung là cháu Lê Mai Kh - sinh ngày 18/02/2016. Hiện nay đang được bà H, ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang do bà H nuôi dưỡng quá trình giải quyết vụ án ông K có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Kh, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Kh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Lê K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Lê H và ông Lê K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lê H và ông Lê K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lê H được ly hôn với ông Lê K

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Mai Kh - sinh ngày 18/02/2016 cho bà Nguyễn Thị Lê H nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lê K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012504 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Huỳnh Văn Dự**